

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 282/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Ông Huỳnh Văn Dứt;
 - Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 497/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 863/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 491/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị Ngọc M, sinh năm 2000; địa chỉ: số A, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc M trình bày, qua thời gian tìm hiểu, bà M và ông Phạm Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, vào ngày 16/12/2019. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng có sinh một con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 15/4/2018. Bà M, ông V chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Bà M và ông V không còn sống chung từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Cháu K đang được ông V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông V; đồng ý để ông V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh K, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 16/02/2019 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C cấp cho bà Thái Thị Ngọc M và ông Phạm Văn V (bản chính); Giấy khai sinh số 27 ngày 16/02/2019 do Ủy ban nhân dân thị trấn M cấp đối với Phạm Minh K (bản sao).

- Bị đơn ông Phạm Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà M và ông V kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông V hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu ly hôn với ông V.

Xét thấy, bà M xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Từ khi bà M khởi kiện ly hôn cho đến nay, ông V không có ý kiến phản hồi. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu K cho ông V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông V; ông V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Minh K; bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Thái Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn V. Đồng thời, ông Vũ cư t trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà M và ông V tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà M xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà M và ông V thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông V nhưng ông V không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà M. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà M, ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà M xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 15/4/2018. Bà M chấp nhận đề ông V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được ông V chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu K cho ông V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông V không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu K nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ngọc M.

1. Về hôn nhân: Bà Thái Thị Ngọc M được ly hôn với ông Phạm Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 16/02/2019 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Thái Thị Ngọc M và ông Phạm Văn V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Phạm Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 15/4/2018. Bà Thái Thị Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Phạm Văn V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Thái Thị Ngọc M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Thái Thị Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015673 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 7 năm 2024; bà Thái Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Văn V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Thái Thị Ngọc M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phạm Văn V được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình